

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 231 /2018/HSST

Ngày: 26/9 /2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T- TỈNH THANH HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoa

Các hội thẩm nhân dân: 1 Ông Lê Văn Luận

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

- Thư ký phiên tòa: Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND thành phố T, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Bà Hoàng Thị Ngọc An - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 293/2018/HSST ngày 03/8/2018 theo Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2018/ QĐ - HPT ngày 11 tháng 9 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hồng T - Sinh năm 1977; Nơi ĐKKHKT: Tổ 1, phường L, quận H, Thành Phố Hà Nội; chỗ ở hiện nay: Số nhà 48, ngõ 47 Nam Dư, phường Lĩnh Nam, quận H, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: lao động tự do; Văn hóa 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông: Nguyễn Văn V và bà: Trần Thị Q; vợ: Nguyễn Thị Tú A – sinh năm 1977 (đã ly hôn); có 02 con sinh năm 2005, nhỏ sinh 2009; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đang áp dụng biện pháp cấm khởi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Lưu Thị Hằng - Sinh năm 1982; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xã T, huyện Thanh Trì, TP Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch; Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông: Lưu Mạnh H và bà Nguyễn Thị C; Chồng: Lê Văn M – sinh năm 1977; có 02 con lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2005. tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đang áp dụng biện pháp cấm khởi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 1h ngày 01/4/2018 tổ tuần tra phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Thanh Hóa tuần tra kiểm soát trật tự giao thông trên Quốc lộ 1A khu vực đường tránh đoạn chạy qua phường Q, thành phố T. Tiến hành kiểm tra phương tiện vận tải theo thủ tục hành chính đối với xe ô tô BKS 47C- 16247 do lái xe Đào Hữu T - sinh năm 1973 trú tại K huyện, K1, Đắc Lắc, quá trình kiểm tra phát hiện thu giữ 03 thùng cát tông bên trong có chứa 246 cây = 2.460 bao thuốc lá hiệu 555 do nước ngoài sản xuất không có hóa đơn chứng từ, nguồn gốc xuất xứ. Nên đưa phương tiện và vật chứng về trạm cảnh sát giao thông tiến hành lập biên bản làm căn cứ xử lý chuyển vụ việc cho cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Thanh Hóa.

Quá trình bị tạm giữ phương tiện tại bãi đỗ xe, lái xe Đào Hữu T cùng phụ xe Phan Văn C - sinh năm 1991, trú tại thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắc Lắc kiểm tra toàn bộ hàng hóa trên xe, đã phát hiện trong 06 bao dây thun buộc tóc có chứa pháo nổ nên cả hai tự giác giao nộp cho công an thành phố T.

Sau khi tiếp nhận 06 bao dây thun buộc tóc, cơ quan CSĐT công an thành phố T tiến hành xác định số pháo thu giữ có trọng lượng 58kg.

Tại bản kết luận giám định số 5353/C54 (P4) ngày 28/6/2018 của Viện khoa học hình sự Tổng cục cảnh sát kết luận:

Thuốc lá gửi giám định đều có nhãn hiệu ‘ BLEND NO.555 GOLO’ có mã vạch 5000219 020122, không có chữ Việt Nam, không có tem nhập khẩu, trên mỗi cây thuốc đều có 10 bao thuốc lá vỏ mỗi bao có dòng chữ BLEND NO.555 GOLO Made Under Authority of CTBAT international Co.Ltd.

Theo thông tư số 124/2007/TT- BTC ngày 26/10/2007 của Bộ tài chính thuốc lá điều nhập vào Việt Nam phải có “tem thuốc lá điều nhập khẩu” do Bộ tài chính nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phát hành và dán trên từng bao.

Hiện tại Viện khoa học hình sự không đủ điều kiện để giám định mẫu thuốc lá mang nhãn hiệu trên là của nước nào sản xuất.

Tại bản kết luận giám định số 947/KLGD-PC 54 ngày 17/5/2018 của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: Vật hình bóng đèn tròn, vỏ bọc giấy đường kính thân 4,1cm, đường kính đầu 2,6cm, chiều cao 6,6cm, một đầu mỗi vật có gắn một đoạn dây dẫn màu xanh gửi đến giám định đều là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ.

Từ hóa đơn gửi hàng do lái xe Đào Hữu T giao nộp, cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh làm rõ người gửi 03 thùng hàng cát tông bên trong chứa thuốc lá hiệu 555 do nước ngoài sản xuất là của Lưu Thị H sinh năm 1982 trú tại, huyện Tam Hiệp, Thanh Trì Hà Nội.

Tại cơ quan điều tra công an thành phố Thanh Hóa, Lưu Thị H khai nhận: Ba thùng hàng cát tông bên trong chứa 2.460 bao thuốc lá hiệu 555 do nước ngoài sản xuất là do H nhận vận chuyển thuê cho Nguyễn Hồng T sinh năm 1977 trú tại tổ 1

phường L, quận H, Thành Phố Hà Nội. Tiền công vận chuyển ba thùng thuốc lá từ Hà Nội vào Đà Nẵng là 1.500.000đ và người nhận ba thùng thuốc lá trên có tên là Hoa có số điện thoại 0934451421, địa chỉ nhận hàng là bãi xe Đà Nẵng số 233 đường T, khi nhận vận chuyển H được T nói hàng vận chuyển là thuốc lá do nước ngoài sản xuất không có hóa đơn chứng từ. Do vậy khoảng 15h ngày 31/3/2018 khi H mang 03 thùng thuốc lá đến công ty trách nhiệm hữu hạn và phát triển thương mại T (công ty T) để gửi xe vận chuyển vào Đà Nẵng, khi làm thủ tục giao nhận hàng với chị Mai kế toán của công ty T, H đã lấy tập phiếu xuất kho viết với chị M là 03 thùng bánh kẹo đồng thời đóng cước vận chuyển cho công ty T 700.000đ. Khoảng 2h ngày 01/4/2018 H nhận được điện thoại từ công ty T thông báo 03 thùng hàng mà H thuê vận chuyển bị công an thành phố T tạm giữ, sau đó Hằng điện thoại cho T biết. Đây là lần thứ ba H nhận vận chuyển thuốc lá do nước ngoài sản xuất không có hóa đơn cho T.

Nguyễn Hồng T khai nhận: Khoảng 10h ngày 31/3/2018 T nhận được điện thoại từ Hà Huy H sinh năm 1984 trú tại huyện T, tỉnh Thái Bình nhờ T vận chuyển 03 thùng thuốc lá nhãn hiệu 555 do nước ngoài sản xuất không có hóa đơn chứng từ vào Đà Nẵng cước vận chuyển là 2.400.000đ T đồng ý đến 13h cùng ngày T ra bến xe Giáp Bát nhận hàng từ xe khách chạy tuyến Thái Bình – Hà Nội (T không nhớ biển số xe). Sau đó T gọi điện cho Lưu Thị H và nói có ba thùng thuốc lá do nước ngoài sản xuất cần gửi đi Đà Nẵng cước vận chuyển 1.500.000đ, H đồng ý. Sau đó T chở ba thùng thuốc lá đến quán nước gần bệnh viện nội tiết gửi cho H. Khi gửi hàng xong vào 17h cùng ngày H điện lại báo cho T biết H đã gửi công ty T vận chuyển ba thùng thuốc lá trên. Đến 2h ngày 01/4/2018 H điện thoại cho T biết ba thùng thuốc đã bị công an thành phố T bắt giữ. Đây là lần thứ ba T thuê H vận chuyển thuốc lá vào Đà Nẵng.

Đối với Hà Huy H, H không thừa nhận số thuốc lá trên là của H, cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa H và T, tuy nhiên cả hai vẫn giữ nguyên lời khai của mình nên cơ quan CSĐT chưa đủ căn cứ xử lý đối với Hà Huy H.

Theo lời khai của H và T hai lần vận chuyển thuốc lá trước ngày 31/3/2018, cơ quan cảnh sát điều tra không thu giữ được vật chứng, không xác định được số lượng, không xác định được đó có phải là thuốc lá do nước ngoài sản xuất được nhập lậu vào Việt Nam hay không. Nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với số pháo được lái xe và phụ xe giao nộp, quá trình điều tra xác định; Khoảng ngày 21,22 tháng 3/2018 có một người phụ nữ gọi vào số điện thoại của lái xe Đào Hữu T, thuê T vận chuyển 06 bao tải dây thun buộc tóc từ Hà Nội vào Đắk Lắk với giá cước 600.000đ/bao, khi vào Đắk Lắk có người liên lạc để nhận hàng. T nghe nói là dây thun buộc tóc nên đã yêu cầu người phụ nữ đem hàng và tiền công vận chuyển đến công ty T gửi. Ngày 31/3/2018 Đào Hữu T đến công ty T nhận 06 bao dây thun và tiền công của người phụ nữ gửi và nhận vận chuyển hàng cho công ty T. Khi xe đến địa phận thành phố T thì bị cảnh sát giao thông dừng xe kiểm tra

phát hiện ba thùng cát tông hàng của công ty T gửi ghi bánh kẹo là thuốc lá ngoại do nước ngoài sản xuất đã lâu và T không lưu số điện thoại của người phụ nữ gửi nên không nhớ số để liên lạc với người này và cũng không thấy người này liên lạc lại. Do đó không chứng minh được người gửi 06 bao dây thun (trong đó có 58 kg pháo) là của ai nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với lái xe Đào Hữu T và phụ xe Phan Văn C khi vận chuyển hàng trên xe, lái xe và phụ xe không kiểm tra hàng nên không biết số hàng mình vận chuyển bên trong là hàng gì nên không có căn cứ để xử lý về hành vi vận chuyển hàng cấm.

Đối với ông Trần Văn T giám đốc công ty TNHH và TM vận tải T người đã thuê lái xe Đào Hữu T vận chuyển hàng, trong số hàng thuê T vận chuyển có 03 thùng cát tông bên trong chứa thuốc lá điều do nước ngoài sản xuất, do khi gửi hàng Lưu Thị H ghi và khai báo là hàng bánh kẹo nên nhân viên công ty tin tưởng không kiểm tra hàng bên trong thùng cát tông không biết cụ thể là hàng gì, nên không có cơ sở để xử lý.

Cáo trạng số 202/CT-VKS-TPTH ngày 01/8/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thanh H truy tố Nguyễn Hồng T và Lưu Thị H về tội “ Vận chuyển hàng cấm” theo điểm b khoản 1 Điều 191 BLHS.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thành phố T luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 191, điểm i , s khoản 1 Điều 51, Điều 58; Điều 65 của BLHS (áp dụng khoản 2 Điều 51 đối với bị cáo H), đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng Thắng từ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, bị cáo Lưu Thị H từ 18 đến 24 tháng nhưng cho hưởng án treo, tịch thu tiêu hủy số thuốc lá sau giám định do nước ngoài sản xuất không có hóa đơn chứng từ.

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát, lời nói sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Hồng T và Lưu Thị H khai nhận: Số thuốc lá 2.460 bao nhãn hiệu 555 do nước ngoài sản xuất không có hóa đơn chứng từ nhập khẩu và chủ nhân hợp pháp đứng ra thuê, nhưng vì động cơ háo lợi đã nhận vận chuyển để thu lời bất chính. Lời khai của các bị cáo phù hợp với tài liệu chứng cứ

khác có trong hồ sơ vụ án cũng như vật chứng thu được và luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Hồng T và Lưu Thị H phạm tội “ Vận chuyển hàng cấm” Tội danh và hình phạt được qui định tại điểm b khoản 1 Điều 191 BLHS.

[3]. Đây là vụ án đồng phạm nhưng chỉ là mức giản đơn, vì các bị cáo không có sự phân công chặt chẽ giữa các vai trò, khi có yêu cầu là cố ý thực hiện.

Trong vụ án này các bị cáo đều biết rõ số thuốc lá 555 được thuê vận chuyển là xuất xứ từ nước ngoài sản xuất, được đưa vào Việt nam bằng con đường không chính ngạch, không có tem nhập khẩu không có hóa đơn chứng từ, nhưng vì động cơ háms lờ đã vận chuyển trái phép. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến chế độ quản lý của nhà nước về trật tự quản lý kinh tế, xâm phạm đến trật tự xã hội, là hành vi nguy hiểm cho xã hội, cần phải xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung.

[4]. Vai trò trách nhiệm của từng bị cáo; Nguyễn Hồng T là bị cáo tiếp nhận thông tin từ một đối tượng là Hà Huy H ở Thái Bình để vận chuyển số thuốc lá điều là 2.460 bao để hưởng lợi 2.400.000đ, sau đó thuê lại Lưu Thị H vận chuyển vào Đà Nẵng với giá 1.500.000đ như vậy T phải là vai trò chính, trong vụ án này, các bị cáo nhân thân đều chưa có tiền án tiền sự, sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, Bố mẹ bị cáo có công với cách mạng. Các tình tiết giảm nhẹ áp dụng cho bị cáo T được qui định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của BLHS. Các tình tiết giảm nhẹ áp dụng cho bị cáo H được qui định tại các điểm i, s khoản 1,2 Điều 51 của BLHS

Do động cơ háms lờ nên phạm tội, số tiền thuê vận chuyển chưa được nhận, tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị cho các bị cáo được hưởng án treo. Căn cứ vào nhân thân, tính chất mức độ phạm tội của các bị cáo nghĩ nên chưa cần thiết phải cách ly khỏi xã hội đối với các bị cáo, cho các bị cáo cải tạo tại địa phương để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của Pháp luật sớm trở thành người lương thiện.

[5] Về vật chứng: Đối với số thuốc lá 243 cây thuốc lá điều (sau giám định) hiện đang thu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T là vật cấm tàng trữ, lưu hành nên cần áp dụng khoản1; điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS để tịch thu tiêu hủy.

Đối với 58 kg pháo nổ không phải vật chứng trong vụ án này nên không xem xét, tiếp tục qui trữ tại kho vật chứng của cơ quan CSĐT công an thành phố T xử lý theo qui định Pháp luật.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật. Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ : Điểm b khoản 1 Điều 191; điểm i, s khoản 1 Điều 51 (khoản 2 Điều 51 đối với bị cáo Hằng); khoản 1, khoản 2 và 5 Điều 65, điều 58 của BLHS.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Hồng T, Lưu Thị H phạm tội “ Vận chuyển hàng cấm.”

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hồng T: 20 (hai mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 40 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường L, quận H, Thành Phố Hà Nội giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lưu Thị H : 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, Thành Phố Hà Nội giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi làm việc thì thực hiện theo qui định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 của BLTTHS.

Tịch thu tiêu hủy 243 cây = 2.340 bao thuốc lá điều (sau giám định) do nước ngoài sản xuất, có nhãn hiệu BLEND NO.555 GOLD. Hiện tang vật đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T theo biên bản giao nhận vật chứng số 185/THA ngày 02/8/2018.

Về án phí: Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 136 BLTTHS; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội qui định mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo T, H mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7,9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-Bị cáo;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

-VKSNDTPTH;
- Công an TP. T;
-Lưu hồ sơ.

(đã ký)

Lê Thị Hoa